

**TCVN xxxxx:2025**

Xuất bản lần 1

**BẢN ĐỒ ĐIỀU TRA ĐÁNH GIÁ ĐẤT ĐAI –  
PHẦN 5: TRÌNH BÀY VÀ THỂ HIỆN NỘI DUNG BẢN ĐỒ  
ĐẤT BỊ SUY GIẢM ĐỘ PHÌ**

*Land investigation and assessment map –*

*Part 5: Rules for the structure and drafting of the degraded soil fertility map*

**HÀ NỘI - 2025**





## Mục lục

1 Phạm vi áp dụng.....	5
2 Tài liệu viện dẫn.....	5
3 Thuật ngữ, định nghĩa.....	5
4 Nội dung của bản đồ.....	6
4.1 Nhóm lớp cơ sở toán học và các nội dung liên quan .....	6
4.2 Nhóm lớp thông tin yếu tố nền .....	6
4.3 Lớp thông tin đất bị suy giảm độ phì .....	6
4.4 Lớp thông tin các yếu tố khác (nếu có) .....	6
5 Trình bày và thể hiện lớp thông tin yếu tố nền của bản đồ.....	6
6 Trình bày và thể hiện nội dung lớp thông tin đất bị suy giảm độ phì.....	7
6.1 Quy định về các trường thông tin của lớp thông tin đất bị suy giảm độ phì .....	7
6.2 Quy định về nhãn, màu sắc khoanh đất thể hiện kết quả đánh giá đất bị suy giảm độ phì của lớp thông tin đất bị suy giảm độ phì .....	7
6.3 Quy định về ký hiệu, màu sắc thể hiện khoanh đất không điều tra của lớp thông tin đất bị suy giảm độ phì .....	7
7 Trình bày bản đồ đất bị suy giảm độ phì .....	12
7.1 Quy định chung.....	12
7.2 Quy định về tỷ lệ bản đồ đất bị suy giảm độ phì .....	13
7.3 Quy định về diện tích tối thiểu của khoanh đất trên bản đồ đất bị suy giảm độ phì.....	13
7.4 Quy định về phân lớp trình bày bản đồ đất bị suy giảm độ phì.....	14
7.5 Quy định về mức độ hiển thị thông tin trên các lớp của bản đồ đất bị suy giảm độ phì .....	15

**Lời nói đầu**

TCVN xxxxx:2025 do Trung tâm Điều tra, Quy hoạch và Định giá đất - Cục Quản lý đất đai biên soạn, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đề nghị, Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia thẩm định, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố.

Bộ TCVN *Bản đồ điều tra đánh giá đất đai* gồm các tiêu chuẩn sau:

- TCVN 14363-1:2025 Trình bày và thể hiện nội dung bản đồ chất lượng đất
- TCVN 14363-2:2025 Trình bày và thể hiện nội dung bản đồ thoái hóa đất
- TCVN xxxxx:2025 Trình bày và thể hiện nội dung bản đồ tiềm năng đất đai
- TCVN xxxxx:2025 Trình bày và thể hiện nội dung bản đồ đất bị ô nhiễm
- TCVN xxxxx:2025 Trình bày và thể hiện nội dung bản đồ đất bị suy giảm độ phì
- TCVN xxxxx:2025 Trình bày và thể hiện nội dung bản đồ đất bị mặn hóa, phèn hóa
- TCVN xxxxx:2025 Trình bày và thể hiện nội dung bản đồ đất bị xói mòn do mưa; đất bị khô hạn, hoang mạc hóa, sa mạc hóa; đất bị kết von, đá ong hóa

## **Bản đồ điều tra đánh giá đất đai –**

### **Phần 5: Trình bày và thể hiện nội dung bản đồ đất bị suy giảm độ phì**

*Land investigation and assessment map –*

*Part 5: Rules for the structure and drafting of the degraded soil fertility map*

#### **1 Phạm vi áp dụng**

Tiêu chuẩn này quy định về trình bày và thể hiện nội dung bản đồ đất bị suy giảm độ phì các tỷ lệ 1:25 000, 1:50 000; 1:100 000; 1:250 000 và 1:1 000 000.

#### **2 Tài liệu viện dẫn**

Tài liệu viện dẫn sau là rất cần thiết cho việc áp dụng tiêu chuẩn này.

TCVN 14363-1:2025 Trình bày và thể hiện nội dung bản đồ chất lượng đất.

#### **3 Thuật ngữ, định nghĩa**

Trong tiêu chuẩn này sử dụng các thuật ngữ và định nghĩa sau:

##### **3.1 Bản đồ đất bị suy giảm độ phì (Soil quality map)**

Bản đồ thể hiện việc phân bố các khoanh đất theo phân mức đất bị suy giảm độ phì tại một thời điểm xác định.

##### **3.2 Đất bị suy giảm độ phì (Soil quality)**

Biểu hiện thông qua sự thay đổi của hàm lượng các chất dinh dưỡng trong đất như sự suy giảm hàm lượng chất hữu cơ, hàm lượng các chất dinh dưỡng tổng số; dung tích hấp thu; đất bị chua hóa; ... do tác động của các điều kiện tự nhiên hoặc con người.

##### **3.3 Khoanh đất (Land parcel)**

## **TCVN xxxxx:2025**

Vùng được hình thành bởi một hoặc nhiều thửa đất liền kề có cùng đặc tính, ranh giới ngoài cùng khép kín.

### **4 Nội dung của bản đồ**

Bản đồ đất bị suy giảm độ phì thể hiện các nội dung sau:

#### **4.1 Nhóm lớp cơ sở toán học và các nội dung liên quan**

Nhóm lớp cơ sở toán học và các nội dung liên quan bao gồm: lưới kilômét, lưới kinh vĩ tuyến, tỷ lệ bản đồ, khung bản đồ, chú dẫn, đơn vị xây dựng, thông tin xác nhận và ký duyệt, trình bày ngoài khung và các nội dung khác có liên quan.

#### **4.2 Nhóm lớp thông tin yếu tố nền**

Nhóm lớp thông tin yếu tố nền bao gồm: Nhóm lớp kinh tế, xã hội; nhóm lớp biên giới, địa giới; Nhóm lớp địa hình; nhóm lớp thủy hệ và các đối tượng có liên quan; nhóm lớp giao thông và các đối tượng có liên quan.

4.2.1. Nhóm lớp kinh tế, xã hội gồm địa danh, trụ sở cơ quan chính quyền các cấp, tên một số công trình quan trọng thể hiện theo các ký hiệu dạng điểm.

4.2.2. Nhóm lớp biên giới, địa giới gồm đường biên giới quốc gia và đường địa giới hành chính các cấp thể hiện theo các ký hiệu dạng đường.

4.2.3. Nhóm lớp địa hình gồm đường bình độ, điểm độ cao thể hiện theo các ký hiệu dạng đường.

4.2.4. Nhóm lớp thủy hệ và các đối tượng có liên quan gồm biển, ao, hồ, đầm, sông, suối, kênh, rạch,... và các đối tượng thủy văn khác thể hiện theo các ký hiệu dạng đường.

4.2.5. Nhóm lớp giao thông và các đối tượng có liên quan gồm các loại đường giao thông các cấp thể hiện theo các ký hiệu dạng đường.

#### **4.3 Lớp thông tin đất bị suy giảm độ phì**

Lớp thông tin đất bị suy giảm độ phì bao gồm: ranh giới, nhãn, màu sắc khoanh đất thể hiện kết quả đánh giá đất bị suy giảm độ phì.

#### **4.4 Lớp thông tin các yếu tố khác (nếu có)**

Lớp thông tin các yếu tố khác bao gồm các ghi chú, thuyết minh, các đối tượng có nguy cơ hoặc tiềm ẩn nguy cơ gây suy giảm đất bị suy giảm độ phì như khu, cụm công nghiệp; các nhà máy sản xuất gây phát thải các chất độc hại lớn (nhà máy hóa chất, luyện thép, sản xuất thuốc bảo vệ thực vật, ...).

### **5 Trình bày và thể hiện lớp thông tin yếu tố nền của bản đồ**

Lớp thông tin yếu tố nền của bản đồ được thực hiện theo hướng dẫn tại Mục 5 và các Phụ lục A, B, D và Bảng C.3 Phụ lục C của TCVN 14363-1:2025 Trình bày và thể hiện nội dung bản đồ chất lượng đất.

## **6 Trình bày và thể hiện nội dung lớp thông tin đất bị suy giảm độ phì**

### **6.1 Quy định về các trường thông tin của lớp thông tin đất bị suy giảm độ phì**

Lớp thông tin đất bị suy giảm độ phì cả nước chứa thông tin của 16 trường thông tin thuộc tính quy định tại Bảng 1.

Lớp thông tin đất bị suy giảm độ phì cấp vùng chứa thông tin của 16 trường thông tin thuộc tính quy định tại Bảng 2.

Lớp thông tin đất bị suy giảm độ phì cấp tỉnh chứa thông tin của 17 trường thông tin thuộc tính quy định tại Bảng 3.

### **6.2 Quy định về nhãn, màu sắc khoanh đất thể hiện kết quả đánh giá đất bị suy giảm độ phì của lớp thông tin đất bị suy giảm độ phì**

Nhãn, màu sắc khoanh đất thể hiện kết quả đánh giá đất bị suy giảm độ phì của lớp thông tin đất bị suy giảm độ phì được thể hiện chi tiết đến từng khoanh đất quy định tại Phụ lục A.

### **6.3 Quy định về ký hiệu, màu sắc thể hiện khoanh đất không điều tra của lớp thông tin đất bị suy giảm độ phì**

Ký hiệu, màu sắc thể hiện khoanh đất không điều tra của lớp thông tin đất bị suy giảm độ phì quy định tại Phụ lục A.



**Bảng 1 - Các trường thông tin trong lớp thông tin đất bị suy giảm độ phì của Bản đồ đất bị suy giảm độ phì cả nước (tỷ lệ 1:1 000 000)**

STT	Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
			Tiếng Việt	Tiếng Anh		
1	Số thứ tự khoanh đất	soThuTuKhoanhDat	Số nguyên	Integer	4	Là số thứ tự khoanh đất
2	Tên vùng	tenVung	Chuỗi kí tự	CharacterString	50	Là tên của vùng
3	Tên tỉnh	tenTinh	Chuỗi kí tự	CharacterString	50	Là tên tỉnh hoặc tên thành phố trực thuộc Trung ương
4	Loại đất trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất	hienTrang	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về hiện trạng sử dụng đất
5	Thổ nhưỡng	thoNhuong	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	loại thổ nhưỡng được gộp theo mức độ đồng nhất trong cấp điều tra, đánh giá
6	Địa hình	diaHinh	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin về địa hình
7	Tên khoanh đất	tenKhoanh	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về ký hiệu tên khoanh đất (ký hiệu viết tắt của tên địa danh và số thứ tự khoanh đất)
8	Diện tích khoanh đất	dienTich	Số thực	Real		Diện tích khoanh đất, đơn vị tính là héc ta (ha), làm tròn đến 0,1 ha.
9	Đất bị suy giảm độ chua (pH <sub>KCl</sub> ) của đất	sg_doChua	Chuỗi kí tự	CharacterString	50	Là thông tin kết quả đánh giá suy giảm độ chua (pH <sub>KCl</sub> ) của đất
10	Đất bị suy giảm chất hữu cơ tổng số	sg_huuCo	Chuỗi kí tự	CharacterString	50	Là thông tin kết quả đánh giá suy giảm chất hữu cơ tổng số của đất
11	Đất bị suy giảm đạm tổng số	sg_dam	Chuỗi kí tự	CharacterString	50	Là thông tin kết quả đánh giá suy giảm đạm (Nito) tổng số của đất
12	Đất bị suy giảm lân tổng số	sg_lan	Chuỗi kí tự	CharacterString	50	Là thông tin kết quả đánh giá suy giảm lân (Phốt pho) tổng số của đất
13	Đất bị suy giảm lượng kali tổng số	sg_kali	Chuỗi kí tự	CharacterString	50	Là thông tin kết quả đánh giá suy giảm kali tổng số của đất
14	Đất bị suy giảm khả năng trao đổi cation của đất	sg_traoDoiCEC	Chuỗi kí tự	CharacterString	50	Là thông tin kết quả đánh giá suy giảm khả năng trao đổi cation của đất
15	Đất bị suy giảm độ phì	sgdp	Chuỗi kí tự	CharacterString	50	Là thông tin kết quả đánh giá suy giảm độ phì của đất
16	Phân cấp đất bị suy giảm độ phì	pc_sgdp	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là phân cấp đất bị suy giảm độ phì

Bảng 2 - Các trường thông tin trong lớp thông tin đất bị suy giảm độ phì của Bản đồ đất bị suy giảm độ phì cấp vùng (tỷ lệ 1:250 000)

STT	Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
			Tiếng Việt	Tiếng Anh		
1	Số thứ tự khoanh đất	soThuTuKhoanhDat	Số nguyên	Integer	4	Là số thứ tự khoanh đất
2	Tên tỉnh	tenTinh	Chuỗi kí tự	CharacterString	50	Là tên tỉnh hoặc tên thành phố trực thuộc Trung ương
3	Tên xã	tenXa	Chuỗi kí tự	CharacterString	50	Là tên xã hoặc phường thuộc tỉnh hoặc thành phố trực thuộc Trung ương
4	Loại đất trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất	hienTrang	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về hiện trạng sử dụng đất
5	Thổ nhưỡng	thoNhuong	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	loại thổ nhưỡng được gộp theo mức độ đồng nhất trong cấp điều tra, đánh giá
6	Địa hình	diaHinh	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin về địa hình
7	Tên khoanh đất	tenKhoanh	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về ký hiệu tên khoanh đất (ký hiệu viết tắt của tên địa danh và số thứ tự khoanh đất)
8	Diện tích khoanh đất	dienTich	Số thực	Real		Diện tích khoanh đất, đơn vị tính là héc ta (ha), làm tròn đến 0,1 ha.
9	Đất bị suy giảm độ chua ( $pH_{KCl}$ ) của đất	sg_doChua	Chuỗi kí tự	CharacterString	50	Là thông tin kết quả đánh giá suy giảm độ chua ( $pH_{KCl}$ ) của đất
10	Đất bị suy giảm chất hữu cơ tổng số	sg_huuCo	Chuỗi kí tự	CharacterString	50	Là thông tin kết quả đánh giá suy giảm chất hữu cơ tổng số của đất
11	Đất bị suy giảm đạm tổng số	sg_dam	Chuỗi kí tự	CharacterString	50	Là thông tin kết quả đánh giá suy giảm đạm (Nito) tổng số của đất
12	Đất bị suy giảm lân tổng số	sg_lan	Chuỗi kí tự	CharacterString	50	Là thông tin kết quả đánh giá suy giảm lân (Phốt pho) tổng số của đất
13	Đất bị suy giảm lượng kali tổng số	sg_kali	Chuỗi kí tự	CharacterString	50	Là thông tin kết quả đánh giá suy giảm kali tổng số của đất
14	Đất bị suy giảm khả năng trao đổi cation của đất	sg_traoDoiCEC	Chuỗi kí tự	CharacterString	50	Là thông tin kết quả đánh giá suy giảm khả năng trao đổi cation của đất
15	Đất bị suy giảm độ phì	sgdp	Chuỗi kí tự	CharacterString	50	Là thông tin kết quả đánh giá suy giảm độ phì của đất
16	Phân cấp đất bị suy giảm độ phì	pc_sgdp	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là phân cấp đất bị suy giảm độ phì

**Bảng 2 - Các trường thông tin trong lớp thông tin đất bị suy giảm độ phì của Bản đồ đất bị suy giảm độ phì cấp tỉnh**  
(tỷ lệ 1:100 000, tỷ lệ 1:50 000, tỷ lệ 1:25 000)

STT	Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
			Tiếng Việt	Tiếng Anh		
1	Số thứ tự khoanh đất	soThuTuKhoanhDat	Số nguyên	Integer	4	Là số thứ tự khoanh đất
2	Tên xã	tenXa	Chuỗi kí tự	CharacterString	50	Là tên xã hoặc phường
3	Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHCXa	Chuỗi ký tự	CharacterString	5	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
4	Loại đất trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất	hienTrang	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về hiện trạng sử dụng đất
5	Thổ nhượng	thoNhuong	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	loại thổ nhượng được gộp theo mức độ đồng nhất trong cấp điều tra, đánh giá
6	Địa hình	diaHinh	Chuỗi kí tự	CharacterString	20	Là thông tin về địa hình
7	Tên khoanh đất	tenKhoanh	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là thông tin về ký hiệu tên khoanh đất (ký hiệu viết tắt của tên địa danh và số thứ tự khoanh đất)
8	Diện tích khoanh đất	dienTich	Số thực	Real		Diện tích khoanh đất, đơn vị tính là héc ta (ha), làm tròn đến 0,1 ha.
9	Đất bị suy giảm độ chua ( $pH_{KCl}$ ) của đất	sg_doChua	Chuỗi kí tự	CharacterString	50	Là thông tin kết quả đánh giá suy giảm độ chua ( $pH_{KCl}$ ) của đất
10	Đất bị suy giảm chất hữu cơ tổng số	sg_huuCo	Chuỗi kí tự	CharacterString	50	Là thông tin kết quả đánh giá suy giảm chất hữu cơ tổng số của đất
11	Đất bị suy giảm đạm tổng số	sg_dam	Chuỗi kí tự	CharacterString	50	Là thông tin kết quả đánh giá suy giảm đạm (Nito) tổng số của đất
12	Đất bị suy giảm lân tổng số	sg_lan	Chuỗi kí tự	CharacterString	50	Là thông tin kết quả đánh giá suy giảm lân (Phốt pho) tổng số của đất
13	Đất bị suy giảm lượng kali tổng số	sg_kali	Chuỗi kí tự	CharacterString	50	Là thông tin kết quả đánh giá suy giảm kali tổng số của đất
14	Đất bị suy giảm khả năng trao	sg_traoDoiCEC	Chuỗi kí tự	CharacterString	50	Là thông tin kết quả đánh giá suy giảm khả

**TCVN XXXXX:2025**

STT	Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
			Tiếng Việt	Tiếng Anh		
	đổi cation của đất					năng trao đổi cation của đất
15	Đất bị suy giảm độ phì	sgdp	Chuỗi kí tự	CharacterString	50	Là thông tin kết quả đánh giá suy giảm độ phì của đất
16	Phân cấp đất bị suy giảm độ phì	pc_sgdp	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là phân cấp đất bị suy giảm độ phì
17	Phân cấp đất bị suy giảm độ phì	pc_sgdp	Chuỗi ký tự	CharacterString	20	Là phân cấp đất bị suy giảm độ phì

## **7 Trình bày bản đồ đất bị suy giảm độ phì**

### **7.1 Quy định chung**

7.1.1 Bản đồ đất bị suy giảm độ phì được xây dựng cho một đơn vị hành chính cấp tỉnh hoặc một vùng kinh tế - xã hội hoặc cả nước.

7.1.2 Bản đồ đất bị suy giảm độ phì được lập trên nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất cùng kỳ kiểm kê đất đai, bao gồm nhóm lớp cơ sở toán học và các nội dung liên quan, nhóm lớp thông tin yếu tố nền, lớp thông tin đất bị suy giảm độ phì và lớp thông tin các yếu tố khác (nếu có).

7.1.3 Khoanh đất bị suy giảm độ phì phải là các vùng khép kín, giữa 2 vùng không có khoảng trống, không chồng đè lên nhau, không có lỗi vặn xoắn.

7.1.4 Bản đồ đất bị suy giảm độ phì của tỉnh hoặc vùng kinh tế - xã hội ở khu vực biên giới và biển đảo phải hiển thị đầy đủ các yếu tố toàn vẹn chủ quyền lãnh thổ quốc gia.

7.1.5 Bản đồ đất bị suy giảm độ phì được xây dựng, biên tập trên hệ tọa độ VN2000, theo kinh tuyến trục của các tỉnh được quy định tại khoản 5 Điều 8 Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 06 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai.

7.1.6 Các lớp bản đồ phải ở dạng mở, cho phép chỉnh sửa, cập nhật thông tin khi cần thiết và có khả năng chuyển đổi khuôn dạng.

7.1.7 Các đối tượng trên bản đồ phải thể hiện đúng lớp, màu sắc, lực nét và các giá trị thuộc tính kèm theo như quy định của tiêu chuẩn này.

7.1.8 Khi sử dụng bản đồ hiện trạng sử dụng đất cùng tỷ lệ làm nền, phải tổng quát hóa một số yếu tố nội dung để mô tả, hiển thị các đối tượng theo quy định của tiêu chuẩn này.

7.1.9 Cơ sở toán học và độ chính xác của bản đồ đất bị suy giảm độ phì áp dụng theo bản đồ hiện trạng sử dụng đất có tỷ lệ tương ứng.

7.1.10 Tiêu đề của bản đồ: được bố trí cân đối ở giữa phía trên của khung bản đồ, tùy theo khổ giấy khi in mà bố trí cỡ chữ cho cân đối phù hợp.

7.1.11 Góc trên (trái hoặc phải) của khung bản đồ bố trí sơ đồ thu nhỏ của đơn vị hành chính cấp dưới nằm trong đơn vị hành chính cấp trên và ký hiệu chỉ hướng Bắc. Tùy theo khoảng trống của khung để bố trí hai nội dung này cho phù hợp.

7.1.12 Góc dưới (trái hoặc phải) của khung bản đồ bố trí ô chú dẫn và các ô xác nhận pháp lý, tùy theo khoảng trống của khung mà bố trí hai nội dung này cho phù hợp.

7.1.13 Ghi chú phía trái bên dưới khung: Nguồn tài liệu.

7.1.14 Ghi chú giữa bên dưới khung: Tỷ lệ bản đồ.

7.1.15. Ghi chú phía phải bên dưới khung: Đơn vị xây dựng bản đồ;

## TCVN XXXXX:2025

7.1.16 Khung bản đồ màu đen; Lưới tọa độ kẻ liền màu xanh. Mẫu quy định cho cấp tỉnh, cấp vùng, cả nước theo quy định tại phụ lục B.

7.1.17 Lưới kinh, vĩ tuyến và lưới kilômét thể hiện theo quy định. Để giảm sức tải của bản đồ cho phép thể hiện bằng mắt lưới chữ thập có chiều dài 10mm x 10mm, giá trị kinh tuyến, vĩ tuyến, lưới kilômét thể hiện theo mẫu. Khi giao điểm lưới ki lô mét đè lên yếu tố nội dung quan trọng khác dẫn tới khó đọc hoặc nhầm lẫn nội dung thì được phép ký hiệu dấu (+) hoặc không thể hiện.

7.1.18 Chú dẫn bản đồ

- Chú dẫn tất cả các nội dung của bản đồ đất bị suy giảm độ phì phải đảm bảo thống nhất với các nội dung thể hiện trên bản đồ (gồm tất cả các đối tượng dạng điểm, dạng đường, dạng vùng và dạng chữ).
- Kích cỡ khung cho ô chú dẫn tùy theo số lượng đối tượng cần chú dẫn và khung bản đồ để bố trí sao cho cân đối.

7.1.19 Xác nhận pháp lý (Phần ký duyệt) hiển thị khung hình chữ nhật cho các cơ quan chức năng xác nhận vào bản đồ. Phần ký duyệt quy định ở phụ lục C.

### 7.2 Quy định về tỷ lệ bản đồ đất bị suy giảm độ phì

Tỷ lệ của bản đồ đất bị suy giảm độ phì được lựa chọn dựa vào tỷ lệ của bản đồ hiện trạng sử dụng đất. Tỷ lệ bản đồ xây dựng như sau:

Bản đồ đất bị suy giảm độ phì cả nước theo tỷ lệ 1:1.000.000.

Bản đồ đất bị suy giảm độ phì cấp vùng theo tỷ lệ 1:250.000.

Bản đồ đất bị suy giảm độ phì cấp tỉnh theo tỷ lệ từ 1:25.000 đến 1:100.000.

Bản đồ đất bị suy giảm độ phì theo chuyên đề được lập theo tỷ lệ phù hợp với diện tích của khu vực điều tra, đánh giá;

### 7.3 Quy định về diện tích tối thiểu của khoanh đất trên bản đồ đất bị suy giảm độ phì

**Bảng 4 - Diện tích tối thiểu của khoanh đất trên bản đồ đất bị suy giảm độ phì  
theo tỷ lệ bản đồ**

Tỷ lệ bản đồ	Diện tích thể hiện trên bản đồ (mm <sup>2</sup> )	Diện tích khoanh đất thực tế (ha)
Tỷ lệ 1: 25.000	100	6,25
Tỷ lệ 1: 50.000	100	25
Tỷ lệ 1: 100.000	100	100
Tỷ lệ 1: 250.000	100	625
Tỷ lệ 1: 1.000.000	100	10.000

**7.4 Quy định về phân lớp trình bày bản đồ đất bị suy giảm độ phì****7.4.1 Nhóm lớp cơ sở toán học và các nội dung liên quan**

Việc trình bày nhóm lớp cơ sở toán học và các nội dung liên quan phải phù hợp với bản đồ hiện trạng sử dụng đất cùng cấp xây dựng bản đồ đất bị suy giảm độ phì.

**Bảng 5 - Mô tả về nhóm lớp cơ sở toán học**

Nhóm	Ký hiệu tên lớp	Mô tả
1. Cơ sở toán học	Khung_Line	Lưới kinh vĩ độ và khung bản đồ
	Khung_Text	Tọa độ khung

**7.4.2 Nhóm lớp thông tin yếu tố nền**

Việc trình bày nhóm lớp thông tin yếu tố nền phải phù hợp với bản đồ hiện trạng sử dụng đất cùng cấp xây dựng bản đồ đất bị suy giảm độ phì. Mô tả về các nhóm lớp thông tin yếu tố nền chi tiết tại Bảng 6.

**Bảng 6 - Mô tả về các nhóm lớp thông tin yếu tố nền**

Nhóm	Ký hiệu tên lớp	Mô tả
1. Biên giới, địa giới	DuongBienGioi	Đường biên giới quốc gia
	DuongDiaGioiCapTinh	Đường địa giới hành chính cấp tỉnh
	DuongDiaGioiCapXa	Đường địa giới hành chính cấp xã
	Bo	Viền bo ngoài lãnh thổ
2. Địa hình	Binhdo_Line	Đường bình độ con, đường bình độ cái
	Binhdo_Text	Ký hiệu độ cao đường bình độ. Điểm độ cao và ghi chú điểm độ cao, tên núi
3. Thủy hệ <sup>1</sup> và các đối tượng có liên quan	ThuyHe	Sông, suối, hồ, ao, kênh, mương, ...
	ThuyVan_Text	Chú dẫn tên kênh, sông, suối, ...
4. Giao thông và các đối tượng có liên quan	GiaoThong_Line	Giao thông dạng đường: đường sắt, đường bộ (quốc lộ, tỉnh lộ, ...), đường biển và các đối tượng có liên quan
	GiaoThong_Text	Chú dẫn tên đường, ...

<sup>1</sup> Bản đồ đất bị suy giảm độ phì của các tỉnh, các vùng giáp biển và cả nước ngoài lớp “ThuyHe” phải thể hiện đường bờ biển, các đảo, quần đảo, ... của Việt Nam; lớp “ThuyVan\_Text” phải thể hiện tên các đảo, quần đảo, ... của Việt Nam theo quy định về mức độ thể hiện theo tỷ lệ bản đồ hiện trạng sử dụng đất và theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

**Bảng 6 – (kết thúc)**

Nhóm	Ký hiệu tên lớp	Mô tả
5. Kinh tế, xã hội	Diem_KTXH	Điểm kinh tế - văn hóa - xã hội (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã, sân bay,...)
	DiaDanh	- Đối với bản đồ đất bị suy giảm độ phì cả nước: thể hiện tên tỉnh, tên riêng, tên giáp ranh, ... - Đối với bản đồ đất bị suy giảm độ phì cấp vùng: thể hiện tên tỉnh, tên riêng, tên giáp ranh, ... - Đối với bản đồ đất bị suy giảm độ phì cấp tỉnh: thể hiện tên xã, tên riêng, tên giáp ranh, ...

#### 7.4.3 Lớp thông tin đất bị suy giảm độ phì

Kí hiệu tên lớp và mô tả lớp thông tin đất bị suy giảm độ phì quy định tại Bảng 7.

**Bảng 7 - Lớp thông tin kết quả đánh giá đất bị suy giảm độ phì**

Nhóm	Ký hiệu tên lớp	Mô tả
Lớp thông tin kết quả đánh giá đất bị suy giảm độ phì	Datbisuygiamdophi_CaNuoc	Kết quả đánh giá đất bị suy giảm độ phì cả nước
	Datbisuygiamdophi_Vung	Kết quả đánh giá đất bị suy giảm độ phì cấp vùng
	Datbisuygiamdophi_Tinh	Kết quả đánh giá đất bị suy giảm độ phì cấp tỉnh

7.4.4 Các lớp bản đồ được hiển thị theo thứ tự từ trên xuống dưới: các đối tượng dạng chữ - các đối tượng dạng điểm - các đối tượng dạng đường - các đối tượng dạng vùng.

7.4.5 Các đối tượng của bản đồ đất bị suy giảm độ phì được sắp xếp hợp lý, tránh chồng đè với nhau và chồng đè với các đối tượng khác.

7.4.6 Trong trường hợp sử dụng các phần mềm không thể chồng xếp các lớp dạng chữ, được phép sử dụng thông tin thuộc tính của các đối tượng bản đồ để hiển thị thay thế cho các lớp dạng chữ. Khi trình bày, cỡ chữ và kiểu chữ phải theo Tiêu chuẩn này.

### 7.5 Quy định về mức độ hiển thị thông tin trên các lớp của bản đồ đất bị suy giảm độ phì

7.5.1 Tùy từng cấp xây dựng bản đồ (cấp tỉnh, cấp vùng, cả nước) mà lớp thông tin yếu tố nền của bản đồ đất bị suy giảm độ phì cần thể hiện chi tiết khác nhau.

7.5.2 Tên các đơn vị hành chính giáp ranh quy định biểu thị như sau:

- Bản đồ cấp tỉnh: biểu thị tên các tỉnh hoặc thành phố trực thuộc trung ương giáp ranh với tỉnh thực hiện xây dựng bản đồ đất bị suy giảm độ phì;
- Bản đồ cấp vùng: biểu thị tên các tỉnh hoặc thành phố trực thuộc trung ương giáp ranh với vùng thực hiện xây dựng bản đồ đất bị suy giảm độ phì;

Trường hợp tỉnh hoặc thành phố trực thuộc trung ương, vùng thực hiện xây dựng bản đồ đất bị suy giảm độ phì có đường biên giới với quốc gia khác phải biểu thị thêm tên nước giáp ranh.

- Bản đồ cả nước: biểu thị tên các nước giáp ranh.




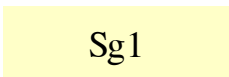


Phụ lục A

(Quy định)

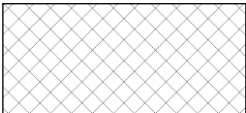
Trình bày và thể hiện các đối tượng dạng vùng

Phụ lục này quy định trình bày và thể hiện các đối tượng dạng vùng

**Bảng A.1 - Ký hiệu, màu sắc thể hiện các phân mức đất bị suy giảm độ phì của khoanh đất điều tra**

Yếu tố chuyên đề	Ký hiệu	Màu sắc			Lực nét (mm)
		Red	Green	Blue	
1. Đất không bị suy giảm độ phì		165	249	165	0,1
2. Đất bị suy giảm độ phì nhẹ		255	255	200	0,1
3. Đất bị suy giảm độ phì trung bình		255	255	100	0,1
4. Đất bị suy giảm độ phì nặng		250	50	255	0,1

**Bảng A.2 - Ký hiệu khoanh đất không điều tra**

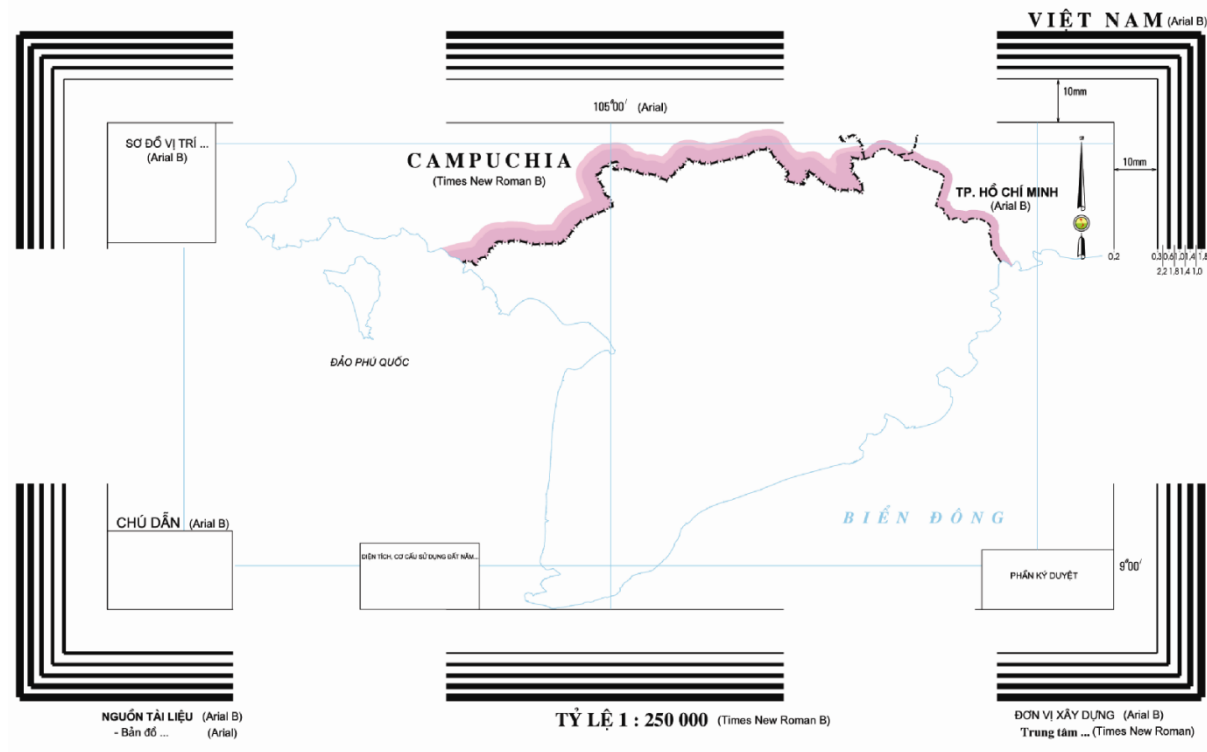
Khoanh đất không điều tra		Ký hiệu	Màu sắc			Lực nét (mm)
			Red	Green	Blue	
1. Không điều tra	Màu viền		0	0	0	0,1
	Màu nét trải		112	112	112	

## Phụ lục B

(Quy định)

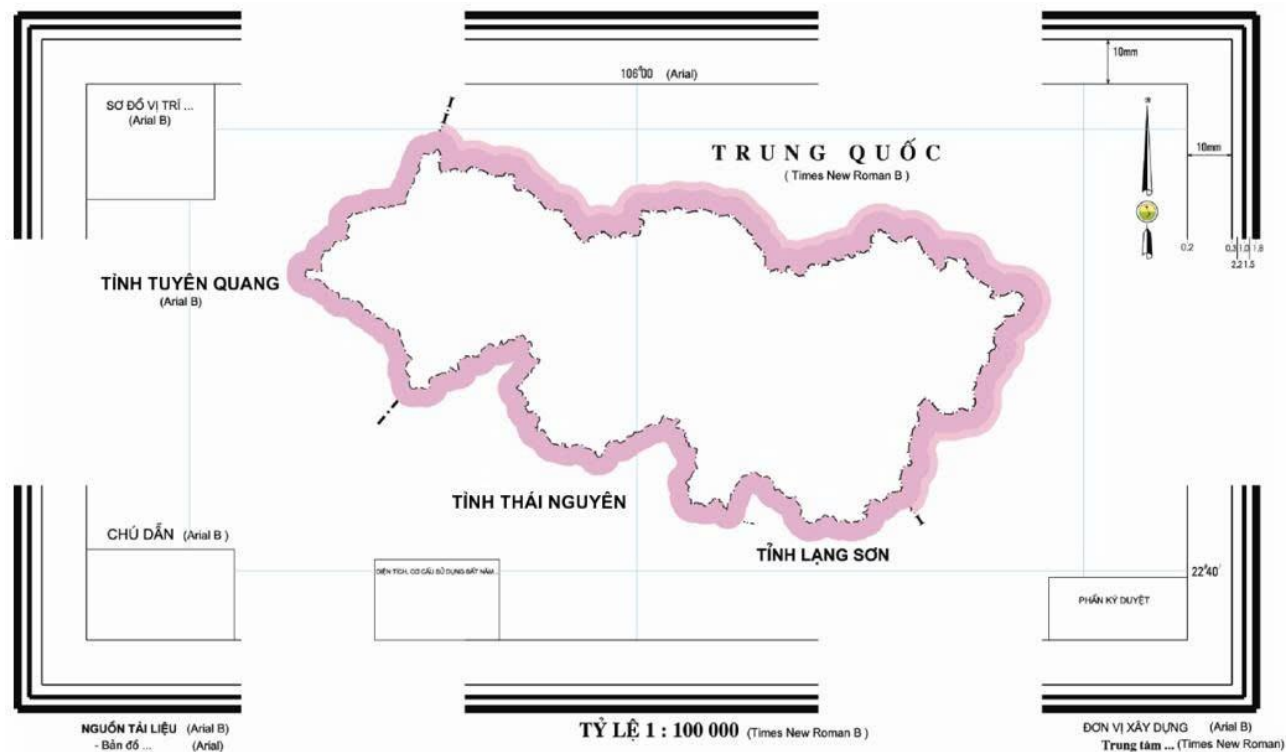
Mẫu khung và trình bày khung bản đồ .....  
.....

**BẢN ĐỒ ĐẤT BỊ SUY GIẢM ĐỘ PHÌ VÙNG ..... (Times New Roman B)**



Hình B.1 - Mẫu khung và trình bày khung bản đồ đất bị suy giảm độ phí cấp vùng và cả nước

## BẢN ĐỒ ĐẤT BỊ SUY GIẢM ĐỘ PHÌ TỈNH ..... (Times New Roman B)



Hình B.2 - Mẫu khung và trình bày khung bản đồ đất bị suy giảm độ phì cấp tỉnh

**Phụ lục C**  
**(Quy định)**  
**Mẫu phần ký duyệt bản đồ đất bị suy giảm độ phì**

<b>TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN</b> (Times New Roman B (3,5 mm))	20 mm
<i>Ngày ... tháng ... năm ...</i> (Times New Roman B (3,5 mm)) <b>ĐẠI DIỆN CƠ QUAN</b> (Times New Roman B (3,5 mm)) <i>(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)</i>	100 mm

100 mm

Hình C1 - Mẫu phần ký duyệt bản đồ đất bị suy giảm độ phì cấp vùng và cả nước



**Thư mục tài liệu tham khảo**

- [1] Luật đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024.
  - [2] Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT ngày 31 tháng 07 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ tài nguyên và Môi trường *Quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất.*
  - [3] Thông tư số 09/2024/TT-BTNMT ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường *Quy định về nội dung, cấu trúc, kiểu thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai và yêu cầu kỹ thuật đối với phần mềm ứng dụng của hệ thống thông tin quốc gia về đất đai.*
  - [4] Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ tài nguyên và Môi trường *Quy định kỹ thuật điều tra, đánh giá đất đai; kỹ thuật bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất.*
  - [5] Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường *Quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai.*
-